TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đặng và ông Văn Anh Trình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Bảo Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số nhà 440, ngõ 112, đường Q, phường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

2. Bị đơn: Anh Võ Đức L, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 16, đường P, tổ dân phố P, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11 tháng 4 năm 2023 được bổ sung tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy Ng trình bày: Chị và anh Võ Đức L tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04-3-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh L tại thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, anh L ham chơi bạn bè, không có trách nhiệm với gia đình. Năm 2021, Chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng vì thương con Chị đã rút đơn, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không thay đổi, hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Võ Đức Tuấn K, sinh ngày 26-6-2016 và Võ Đức Đăng K, sinh ngày 07-9-2020; hai con đang ở với Chị. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nguyện vọng của Chị xin được nuôi hai con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15 tháng 6 năm 2023, bị đơn anh Võ Đức L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thùy N tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04-3-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ Anh tại thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng sống chung hạnh phúc, hòa thuận cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do công việc làm ăn không ổn định, thu nhập thấp nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa có gì trầm trọng, chị N xin ly hôn tùy chị N quyết định.

Vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Võ Đức Tuấn K, sinh ngày 26-6-2016 và Võ Đức Đăng K, sinh ngày 07-9-2020, hai con hiện đang ở với chị N. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn Anh đồng ý để hai con cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, do hiện nay Anh đang chấp hành án nên chưa có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 35, 39, 48, 49, 63, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy N, xử cho chị N được ly hôn anh Võ Đức L. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao hai con Võ Đức Tuấn K, sinh ngày 26-6-2016 và Võ Đức Đăng K, sinh ngày 07-9-2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời không buộc anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thùy N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Đức L có địa chỉ tại thị trấn Q, huyện Q và giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Đức L được tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Võ Đức L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, khó khăn về kinh tế dẫn đến tình cảm vợ chồng mất mát dần; anh L cho rằng vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn, Anh đang còn thương yêu chị N và mong muốn vợ chồng đoàn tụ; còn chị N kiên quyết xin được ly hôn. HĐXX xét thấy năm 2021, chị N đã làm đơn xin ly hôn, để tạo cơ hội cho anh L Chị đã rút đơn ly hôn nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện, mặt khác hiện nay anh L đang đi chấp hành án tại Trại giam nên không có thời gian gần gũi chăm sóc vợ con và chứng minh tình cảm của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy N.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Võ Đức L thống nhất có 02 đứa con chung tên là Võ Đức Tuấn K, sinh ngày 26-6-2016 và Võ Đức Đăng K, sinh ngày 07-9-2020. Chị N có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng; anh L đồng ý giao cả hai con cho chị N nuôi dưỡng, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N, anh L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Võ Đức L thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Võ Đức L.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao con Võ Đức Tuấn K, sinh ngày 26-6-2016 và Võ Đức Đăng

K, sinh ngày 07-9-2020 cho chị Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 7/2023 đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi); tạm thời không buộc anh Lễ phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn chị N phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số 31AA/2021/0004070, ngày 12 tháng 4 năm 2023.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Võ Đức L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND TT Q;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**